

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG BẢO AN LIÊN HỢP QUỐC ĐỐI VỚI TOÀ ÁN HÌNH SỰ QUỐC TẾ RÔM (ICC)¹

Nguyễn Tiến Vinh*

Toà án hình sự quốc tế (ICC) được hình thành trên cơ sở Quy chế Rô-m, được ký kết ngày 17 tháng 7 năm 1998 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2002 sau khi được 60 quốc gia phê chuẩn². Với chức năng là cơ quan tư pháp hình sự quốc tế thường trực, Toà án có thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử bốn loại tội phạm quốc tế: *tội diệt chủng, tội chống loài người, tội phạm chiến tranh và tội xâm lược*. Một trong những đặc trưng của Toà án, so sánh với các thiết chế xét xử hình sự quốc tế đã và đang tồn tại, là tính độc lập của Toà án. Toà án được nhìn nhận là một tổ chức quốc tế độc lập, được thành lập trên cơ sở điều ước ký kết giữa các quốc gia, có tư cách pháp nhân quốc tế, có năng lực pháp lý cần thiết cho việc thực hiện chức năng và hoàn thành các nhiệm vụ của mình³. Tuy nhiên, Toà án vẫn có quan hệ chặt chẽ với Liên hợp quốc. Cơ sở pháp lý của quan hệ này được thể hiện trong Quy chế của Toà án, trong Thỏa thuận về quan hệ giữa Toà án với Liên hợp quốc được ký kết ngày 4 tháng 10 năm 2004⁴. Đặc

biệt, liên quan đến lĩnh vực giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế, mối quan hệ này được khuôn khổ hoá bởi Hiến chương Liên hợp quốc. Tâm điểm của mối quan hệ này thể hiện ở vai trò của Hội đồng Bảo an của Liên hợp quốc đối với Toà án.

Nghiên cứu vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đối với Toà án một mặt cho phép hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò của Toà án, làm sáng tỏ một loạt các vấn đề đã và còn đang gây nhiều tranh cãi liên quan đến thẩm quyền, hoạt động của Toà án, mặt khác cũng cho phép hiểu rõ hơn vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong việc gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế. Trong bối cảnh Việt Nam đang có những nghiên cứu, xem xét khả năng gia nhập Quy chế Rô-m của Toà án, đặc biệt với khả năng Việt Nam được bầu là thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009, thì việc nghiên cứu mối quan hệ này cũng có ý nghĩa nhất định⁵.

Vai trò của Hội đồng Bảo an đối với Toà án Hình sự Quốc tế có thể được xem xét ở bốn vấn đề: Xác định căn cứ để Toà án thực hiện quyền tài phán; Hoàn hoạt động điều tra, truy tố và xét xử; Thẩm quyền xét xử của Toà án đối với tội xâm lược; Vấn đề bảo đảm sự hợp tác của các quốc gia đối với Toà án.

1. Hội đồng Bảo an và việc thực hiện quyền tài phán của Toà án

Theo Điều 13 Quy chế Rô-m, Toà án có thể thực hiện quyền tài phán trong ba trường hợp: do quốc gia thành viên yêu cầu; do Hội đồng Bảo an yêu cầu hoặc do bản thân Trưởng công tố tự mình mở cuộc điều tra.

* ThS Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Bài viết dựa trên cơ sở Tham luận "Mối liên hệ giữa Toà án hình sự quốc tế với ICC với Liên hợp quốc" được tác giả trình bày tại Hội thảo "Toà án hình sự quốc tế và sự gia nhập của Việt Nam" do Bộ môn Luật Quốc tế và Trung tâm Luật biển và Hàng hải Quốc tế, Khoa luật ĐHQG Hà Nội tổ chức ngày 25-26 tháng 10 năm 2006 tại Hà Nội.

² Tính đến tháng 9/2006 102 quốc gia đã phê chuẩn hoặc gia nhập Quy chế Rô-m, trở thành thành viên của Toà án. Xem Báo cáo về hoạt động của Toà án, tài liệu ICC-ASP/5/15.

³ Điều 4 Quy chế Rô-m.

⁴ Thỏa thuận này được ký kết theo quy định của Điều 2 Quy chế Rô-m, về nội dung, xem Công báo của Toà án Hình sự Quốc tế, tài liệu ICC-ASP/3/Res.1, annexe; Tài liệu của Liên hợp quốc: A/58/847, annexe.

⁵ Về thông tin Việt Nam ứng cử và khả năng được bầu là thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, xem trang Web của Bộ Ngoại giao: <http://www.mofa.gov.vn/vi>.

Đối với trường hợp do Hội đồng Bảo an yêu cầu, điểm b Điều 13 quy định:

“Toà án có thể thực hiện quyền tài phán đối với các tội phạm nêu tại Điều 5 theo các quy định của Quy chế này nếu:

b. Một vụ việc trong đó một hay nhiều tội phạm nêu trên đã xảy ra được Hội đồng Bảo an thông báo cho Trưởng công tố theo thẩm quyền quy định tại Chương VII Hiến chương Liên hợp quốc.”

Theo khoản 1 Điều 17 Thỏa thuận giữa Toà án với Liên hợp quốc, trong trường hợp này, Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ là người trung gian chuyển quyết định bằng văn bản và các tài liệu đi kèm của Hội đồng Bảo an cho Toà án và là người được Toà án thông báo tiến trình giải quyết vụ việc tuân theo Quy chế và Quy tắc về tố tụng và chứng cứ của Toà án.

Nghiên cứu trường hợp này, có thể có một số nhận xét sau:

Thứ nhất, sự can thiệp của Hội đồng Bảo an trong trường hợp này có thể giúp Toà án mở rộng thẩm quyền của mình. Cụ thể, trong trường hợp nếu Toà án tiến hành truy tố, xét xử theo yêu cầu của một quốc gia thành viên hoặc theo chủ ý của Công tố trưởng thì đòi hỏi hành vi tội phạm phải diễn ra trên lãnh thổ của quốc gia thành viên hoặc người phạm tội phải là công dân của quốc gia thành viên. Tuy nhiên, nếu đó là trường hợp do Hội đồng Bảo an yêu cầu thì điều kiện hạn chế này không bị đặt ra.

Thứ hai, trường hợp thực hiện thẩm quyền này của Toà án bị điều kiện hoá bởi việc Hội đồng Bảo an hành động “theo thẩm quyền quy định tại Chương VII Hiến chương Liên hợp quốc”. Về mặt thủ tục, để hành động trong trường hợp này, Hội đồng Bảo an trước đó đã phải xác định một tình huống “hoà bình bị đe dọa, hoà bình bị phá hoại hoặc có hành vi xâm lược”. Về mặt nội dung, có thể hiểu Hội đồng Bảo an không thể yêu cầu Toà án truy tố, xét xử một hành

vi tội phạm cụ thể, liên quan đến một hoặc nhiều cá nhân cụ thể, mà Hội đồng Bảo an chỉ có quyền thông báo cho Toà án xem xét một “Tình huống – Situation” đã được xác định theo quy định của Chương VII của Hiến Chương.

Thứ ba, mặc dù trường hợp thực hiện thẩm quyền này của Toà án được coi là một biện pháp mở rộng hơn thẩm quyền của Toà án, tránh việc bỏ sót tội phạm, tuy nhiên điều kiện hoá bởi sự can thiệp bắt buộc của Hội đồng Bảo an, thủ tục này lại rất có khả năng không thể thực hiện được do việc thực hiện quyền phủ quyết (veto) của một trong các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an. Để có thể yêu cầu Toà án thực hiện thẩm quyền trong trường hợp này, Hội đồng Bảo an phải thông qua nghị quyết với 9/15 thành viên đồng ý, trong đó có 5 thành viên thường trực.

Thứ tư, trường hợp Hội đồng Bảo an có nghị quyết yêu cầu Toà án xem xét một tình huống, Toà án vẫn có quyền quyết định cuối cùng đối với việc có mở cuộc điều tra, quyết định truy tố hay không truy tố theo các quy định của Quy chế của Toà án. Khi đưa ra quyết định như vậy, Toà án có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Bảo an. Như vậy, có thể khẳng định tính độc lập của Toà án trong thủ tục tố tụng này⁶.

Thứ năm, thực hiện thẩm quyền của Toà án trong trường hợp này sẽ dẫn đến hai hệ quả dường như là nghịch lý: đầu tiên, với yêu cầu của Hội đồng Bảo an Toà án có thể sẽ có thẩm quyền xét xử đối với công dân của cả những nước không phải là thành viên của Toà án, không chấp nhận Quy chế Rôm. Điều này dường như mâu thuẫn với cơ sở pháp lý của Toà án là được thành lập và hoạt động trên cơ sở điều ước (Quy chế Rôm). Tuy nhiên, nghịch lý này có thể được hoá giải nếu coi trong trường hợp này, Hội đồng Bảo an đã “sử dụng” Toà án như một thiết

⁶ Xem Điều 53 Quy chế Rôm và Khoản 2 Điều 17 Thỏa thuận về quan hệ giữa Toà án với Liên hợp quốc.

chế xét xử Ad-hoc, đối với một vụ việc cụ thể, thay vì thành lập một toà án hình sự quốc tế Ad-hoc khác như đối với trường hợp ở Nam Tư (1993) hay ở Ru-an-đa (1994). Nghịch lý thứ hai sẽ khó lý giải hơn về mặt pháp lý: để Toà án thực hiện thẩm quyền trong trường hợp này đòi hỏi phải có sự yêu cầu của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nói cách khác, trong đó phải có sự yêu cầu của cả 5 thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an. Thực tế, cho đến nay mới chỉ có 2/5 thành viên thường trực của cơ quan này tham gia Quy chế Rôm, là thành viên của Toà án⁷. Thậm chí, trong số ba nước thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an không là thành viên của Toà án, Hoa Kỳ cho đến nay vẫn kiên quyết không phê chuẩn Quy chế Rôm (sau khi đã tham gia đàm phán và ký). Đi xa hơn, Hoa Kỳ còn dùng các biện pháp lập pháp trong nước, cũng như dùng ảnh hưởng của mình để có các cam kết với các quốc gia khác loại bỏ hoàn toàn thẩm quyền của Toà án đối với công dân của mình⁸. Như vậy, nghịch lý trong việc thực hiện Điều 13 điểm b chính là việc những nước chưa chấp nhận hoặc thậm chí tìm mọi biện pháp từ chối thẩm quyền của Toà án đối với mình thì lại có quyền cất tiếng nói quyết định để Toà án thực hiện thẩm quyền đối với trường hợp của nước khác, cho dù nước đó cũng không chấp nhận thẩm quyền của Toà án. Lý do duy nhất có thể dùng để hoá giải nghịch lý

⁷ 5 thành viên thường trực bao gồm: Anh, Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Trung Quốc. 2 nước đã tham gia Quy chế Rôm là Anh, Pháp.

⁸ Về biện pháp lập pháp trong nước, ví dụ Luật ASPA (*American Service-Members' Protection Act*) năm 2002 của Hoa Kỳ, văn bản trong <http://www.state.gov/t/pm/rls/othr/misc/23425.htm>.

Về các thoả thuận song phương của Hoa Kỳ với nước ngoài nhằm loại trừ thẩm quyền của Toà án, xem các thoả thuận có tên Thoả thuận Điều 98 hay các thoả thuận BIA (*Bilateral Immunity Agreement*) giữa Hoa Kỳ với nước ngoài, thông tin trong <http://www.iccnw.org/?mod=bia>; Về mối quan hệ Hoa Kỳ - Toà án Hình sự quốc tế nói chung, xem: Julien Details, *Les Etats-Unis et la Cour Penale Internationale*, in *Droits Fondamentaux*, No 3, Janvier-Décembre 2003.

này là: các nước trong Hội đồng Bảo an hành động trên cơ sở chương VII của Hiến chương, vì hoà bình và an ninh quốc tế. Quyết định của họ là bắt buộc đối với tất cả các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc, theo quy định của Hiến chương.

Trường hợp đầu tiên cho đến nay Hội đồng Bảo an viện dẫn Điều 13 điểm b là trường hợp của Darfur (Soudan). Bằng nghị quyết số 1593 (2005) ngày 31 tháng 3 năm 2005, Hội đồng Bảo an "*Quyết định thông báo cho Công tố trưởng của Toà án hình sự quốc tế tình huống diễn ra ở Dafur từ ngày 1 tháng 7 năm 2000*"⁹.

2. Quyền của Hội đồng Bảo an hoãn hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của Toà án

Theo Điều 16 của Quy chế Rôm, Hội đồng Bảo an có thể thông qua một nghị quyết theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc yêu cầu toà án hoãn việc điều tra hoặc truy tố. Thời hạn hoãn này được quy định là 12 tháng và có thể gia hạn. Khác với trường hợp Hội đồng Bảo an yêu cầu Toà án xem xét một tình huống theo điểm b Điều 13 Quy chế Rôm, trong trường hợp quy định của Điều 16 này Toà án không phải là cơ quan có quyền quyết định cuối cùng. Hoạt động điều tra, truy tố của Toà án sẽ không được bắt đầu hoặc tiếp tục được tiến hành nếu Hội đồng Bảo an thông qua một nghị quyết trong khuôn khổ Chương VII của Hiến chương quyết định như vậy.

Quy định tại Điều 16 Quy chế Rôm đã gây ra rất nhiều tranh luận. Trước hết, liệu quy định này có tạo cho Hội đồng Bảo an quyền can thiệp quá lớn đối với Toà án, trái với tinh thần xây dựng một thiết chế xét xử quốc tế độc lập? Hơn nữa, liệu sự can thiệp của Hội đồng Bảo an có vi phạm một nguyên tắc pháp lý cơ bản là sự độc lập của cơ quan tư pháp, nguyên tắc được thừa nhận trong tất cả các hệ thống pháp luật quốc gia?

⁹ Điểm 1 Nghị quyết 1593 (2005); Tài liệu S/RES/1593 (2005).

Để làm sáng tỏ vấn đề này, cần nhìn nhận bối cảnh, điều kiện của khả năng hành động của Hội đồng Bảo an theo quy định của Điều 16 Quy chế Rôm. Theo điều khoản này, Hội đồng Bảo an chỉ được hành động trên cơ sở quy định của Chương VII, Hiến chương Liên hợp quốc. Nói cách khác, hành động của Hội đồng Bảo an chỉ được thực hiện trong bối cảnh hoà bình bị đe dọa, bị phá hoại hoặc có hành vi xâm lược. Mặt khác, cũng cần nhắc lại vai trò quyết định của Hội đồng Bảo an trong nhiệm vụ giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế. Xét về mặt pháp lý, Điều 16 không tạo ra một thẩm quyền mới cho Hội đồng Bảo an, mà chỉ tái khẳng định một thẩm quyền đã được thừa nhận bởi Luật quốc tế hiện hành¹⁰.

Tuy nhiên, thực tế thực hiện Điều 16 Quy chế Rôm đã ghi nhận những tranh luận gay gắt về tính hợp pháp trong hành động của Hội đồng Bảo an. Dưới ảnh hưởng của Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 7 năm 2002, Hội đồng Bảo an đã thông qua nghị quyết 1442 (2002)¹¹, viện dẫn Điều 16 Quy chế Rôm, quyết định rằng công dân của các nước không phải thành viên của Quy chế Rôm tham gia vào lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc không thể là đối tượng của hoạt động điều tra, truy tố của Toà án. Quyết định này có hiệu lực trong giai đoạn 12 tháng và có thể gia hạn. Ngày 12 tháng 6 năm 2003, Hội đồng Bảo an tiếp tục thông qua Nghị quyết 1487 (2003), với 12 phiếu thuận, ba trường hợp không bỏ phiếu là Đức, Pháp và Syrie, tiếp tục viện dẫn Điều 16 Quy chế Rôm yêu cầu Toà án không tiến hành điều tra, truy tố đối với các cá nhân tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của những nước không là thành viên của Quy chế Toà án. Các nước không đồng tình với hai nghị quyết này hoặc cho rằng có sự lạm dụng, thậm chí là vi phạm Điều 16 Quy chế Rôm, hoặc lập luận rằng nếu theo logic của hai nghị quyết

này thì việc Toà án điều tra, xét xử các tội phạm nghiêm trọng nhất đối với toàn thể cộng đồng quốc tế bản thân nó lại tạo ra tình huống đe dọa hoà bình và an ninh quốc tế (!)¹².

Việc áp dụng tương tự đối với Điều 16 Quy chế Rôm đã chấm dứt kể từ tháng 6 năm 2004 khi Hoa Kỳ đã không thể tìm kiếm đủ sự đồng thuận của các quốc gia là thành viên Hội đồng Bảo an và do vậy từ bỏ ý định yêu cầu Hội đồng Bảo an gia hạn thêm thời hạn miễn truy tố đối với các lực lượng gìn giữ hoà bình của quốc gia không là thành viên của Quy chế.

3. Vai trò của Hội đồng Bảo an trong việc Toà án thực hiện thẩm quyền đối với tội xâm lược

Điều 5 Quy chế Rôm quy định Toà án có thẩm quyền đối với 4 loại tội phạm: tội diệt chủng, tội chống nhân loại, tội phạm chiến tranh và tội xâm lược. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 5 Quy chế quy định:

"Toà án sẽ thực hiện quyền tài phán đối với tội xâm lược khi một quy định về định nghĩa tội xâm lược và các điều kiện để Toà án thực hiện quyền tài phán đối với tội này được thông qua theo các Điều 121 và Điều 123. Quy định này phải phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc".

Điều 121 và Điều 123 của Quy chế quy định về thủ tục sửa đổi các quy định của Quy chế sau thời hạn 7 năm kể từ ngày Quy chế có hiệu lực (tháng 7 năm 2009), bao gồm cả việc sửa đổi danh mục các tội phạm thuộc thẩm quyền của Toà án được quy định tại Điều 5 của Quy chế.

Như vậy, qua các quy định của Điều 5, Điều 121 và 123, Toà án sẽ không thực hiện thẩm quyền đối với tội xâm lược cho đến thời hạn sau 7 năm, và nếu không có sự sửa đổi lại Quy chế.

¹⁰ Xem <http://www.senat.fr/rap/r98-313/r9831310.html>

¹¹ Tài liệu S/RES.1442 ngày 12 tháng 7 năm 2002.

¹² Đặc biệt xem quan điểm của Thụy Sĩ, Liechtenstein, Tài liệu S/PV.4772 ngày 12 tháng 6 năm 2003.

Quy định tại Điều 5 của Quy chế Rôm liên quan đến tội xâm lược là kết quả của một quá trình đấu tranh, thoả nhượng giữa các nhóm nước thuộc hai quan điểm khác nhau: quan điểm thứ nhất cho rằng không đưa tội xâm lược vào thẩm quyền của Toà án; quan điểm thứ hai trái lại cho rằng tội xâm lược là tội ác quốc tế nghiêm trọng nhất, nên phải thừa nhận thẩm quyền của Toà án đối với tội này¹³.

Về mặt pháp lý, cho đến nay tội xâm lược mới chỉ được định nghĩa trong Nghị quyết số 3314(XXIX) ngày 14 tháng 12 năm 1974 của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Tuy nhiên, bản thân định nghĩa này lại chỉ áp dụng cho hành vi xâm lược của quốc gia. Hơn nữa, giá trị pháp lý quốc tế của nó cũng là vấn đề khi được quy định trong nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Thực tế, việc xem xét thẩm quyền của Toà án đối với tội xâm lược chính là giải quyết mối liên hệ giữa Toà án với Liên hợp quốc nói chung và với Hội đồng Bảo an của Liên hợp quốc nói riêng. Trước hết, cần khẳng định khả năng trao cho Toà án thẩm quyền xác định một hành vi xâm lược là không thể, căn cứ các quy định của Luật Quốc tế hiện hành, cụ thể là các quy định của Hiến chương Liên hợp quốc liên quan đến nhiệm vụ gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế. Theo quy định của Hiến chương (Điều 39), chỉ có Hội đồng Bảo an là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xác định một hành vi bị coi là hành vi xâm lược.

Như vậy, để toà án có thể có thẩm quyền thực tế đối với tội xâm lược, vai trò đặc biệt quan trọng của Hội đồng Bảo an thể hiện ở hai điểm:

Thứ nhất, Hội đồng Bảo an đóng vai trò quyết định trong việc đưa ra một định nghĩa pháp lý về hành vi xâm lược.

Thứ hai, ngay cả khi đã có một định nghĩa về tội xâm lược, Quy chế Rôm đã được sửa đổi trao cho Toà án thẩm quyền đối với tội này, thì Toà án cũng chỉ có thể tiến hành điều tra, truy tố đối với trường hợp cụ thể sau khi đã có xác định trước đó của Hội đồng Bảo an về việc tồn tại hành vi xâm lược của quốc gia theo quy định của Điều 39 Hiến chương Liên hợp quốc. Hiển nhiên, trong trường hợp này, nguy cơ thực hiện quyền phủ quyết của một thành viên thường trực Hội đồng Bảo an luôn tồn tại. Như vậy, nếu không có một nghị quyết của Hội đồng Bảo an thừa nhận hành vi xâm lược của quốc gia, thì Toà án cũng không thể tiến hành thủ tục điều tra, truy tố một hành vi của cá nhân đối với tội xâm lược.

4. Hội đồng Bảo an và việc đảm bảo sự hợp tác của các quốc gia đối với Toà án

Quan hệ giữa các quốc gia với các toà án hình sự quốc tế Ad-hoc ở Ru-an-da và Nam Tư cũ có cơ sở dựa trên cơ chế của Hiến chương Liên hợp quốc, vì các toà án này do Hội đồng Bảo an quyết định thành lập, được coi như các cơ quan của Hội đồng Bảo an. Tất cả các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc có nghĩa vụ hợp tác với các toà án này. Trái lại, Toà án hình sự quốc tế Rôm được thành lập trên cơ sở điều ước quốc tế, do vậy về nguyên tắc, chỉ các quốc gia thành viên của Quy chế Rôm mới có nghĩa vụ hợp tác với Toà án. Tuy nhiên, thông qua cơ chế này hay cơ chế khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, các quốc gia dù không phải là thành viên trong nhiều trường hợp cũng có nghĩa vụ buộc phải hợp tác với Toà án. Sự hợp tác này có thể cả trong giai đoạn điều tra, truy tố hay xét xử và thi hành bản án của Toà án. Một số trường hợp hợp nghĩa vụ hợp tác của quốc gia đối với Toà án thực sự liên quan đến việc thực hiện chủ quyền lãnh thổ, thẩm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia như: cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ cho Toà án, thực hiện cũng như cho phép các hoạt động điều tra của Toà án trên lãnh thổ của mình,

¹³ Xem thêm Phạm Quốc Anh (chủ biên), *Những vấn đề cơ bản về Toà án hình sự quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội 2006, tr.53-54.

bất giữ, chuyển giao nghi phạm cho toà án... Trong những trường hợp như vậy, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, với quyền lực của mình, thực sự đóng vai trò là cơ quan đảm bảo sự hợp tác tích cực của các quốc gia. Cơ sở cũng như cơ chế pháp lý cho sự hợp tác của các quốc gia đối với Toà án trong trường hợp này do vậy không chỉ tìm thấy trong Quy chế của Toà án mà còn cả trong Hiến chương Liên hợp quốc, trong Thoả thuận giữa Toà án với Liên hợp quốc. Vai trò đảm bảo của Hội đồng Bảo an có thể được xem xét trong một số trường hợp:

Thứ nhất, đối với cả các quốc gia là thành viên và không phải thành viên của Toà án, sự hợp tác với Toà án có thể được coi là gián tiếp, thông qua cơ chế hợp tác giữa Toà án với Liên hợp quốc. Cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác trong trường hợp này chính là Hiến chương và Thoả thuận giữa Toà án với Liên hợp quốc. Trong trường hợp này, Hội đồng Bảo an đóng vai trò là một cơ quan của Liên hợp quốc, có quyền quyết định đối với các vấn đề hoà bình và an ninh quốc tế. Vai trò đảm bảo của Hội đồng Bảo an trong trường hợp này chưa thực sự nổi bật.

Thứ hai, đối với các quốc gia thành viên của Toà án, nghĩa vụ hợp tác của các quốc gia đối với Toà án về nguyên tắc có cơ sở pháp lý là Quy chế Rô-m¹⁴. Trong trường hợp có sự bất hợp tác của quốc gia thành viên đối với Toà án, Toà án có thể hành động khác nhau tùy theo hai trường hợp¹⁵: trường hợp thông thường, Toà án sẽ đưa vấn đề ra Hội đồng các quốc gia thành viên; trường hợp đặc biệt, nếu vụ việc Toà án thụ lý do Hội đồng Bảo an chuyển đến theo quy định của điểm b Điều 13 Quy chế Rô-m thì Toà án sẽ

đưa vấn đề ra Hội đồng Bảo an. Trong trường hợp thứ hai, Hội đồng Bảo an đã thực sự đóng vai trò đảm bảo cho sự hợp tác của quốc gia. Cơ sở, cơ chế pháp lý cho sự đảm bảo này không những có thể tìm thấy trong Quy chế Rô-m mà còn trong Hiến chương Liên hợp quốc.

Thứ ba, sự hợp tác của các quốc gia không phải thành viên của Toà án có thể có hai cơ sở và cơ chế pháp lý khác nhau, tuy nhiên trong cả hai trường hợp đều có vai trò đảm bảo quyết định của Hội đồng Bảo an. Trường hợp thứ nhất quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 87 của Quy chế Rô-m. Theo đó, khi một nước thành viên không là thành viên của Toà án nhưng đã ký với Toà án một thoả thuận hay dàn xếp tạm thời nhưng không thực hiện hợp tác với Toà án theo thoả thuận hay dàn xếp đó, thì Toà án sẽ đưa vấn đề ra Hội đồng Bảo an nếu vụ việc do Hội đồng Bảo an chuyển đến cho Toà án. Trường hợp thứ hai, một nước không là thành viên cũng không có thoả thuận cụ thể với Toà án cũng sẽ có nghĩa vụ hợp tác với Toà án đối với những vụ việc mà Hội đồng Bảo an chuyển đến cho Toà án. Cơ sở và cơ chế hợp tác trong trường hợp này chính là Nghị quyết của Hội đồng Bảo an và Hiến chương Liên hợp quốc. Sự bất hợp tác của quốc gia trong trường hợp này có thể được coi là sự bất hợp tác với Hội đồng Bảo an, trong lĩnh vực gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế.

Như vậy, dù trong trường hợp nào, nếu có sự can thiệp từ phía Hội đồng Bảo an thì Toà án cũng sẽ có một đảm bảo pháp lý vững chắc về sự hợp tác, cộng tác của các quốc gia. Về nguyên tắc, tất cả các trường hợp can thiệp của Hội đồng Bảo an đều phải được dựa trên thẩm quyền xác định theo chương VII của Hiến chương. Và như vậy, sự đảm bảo của Hội đồng Bảo an có thể được thực hiện không loại trừ việc sử dụng cả các biện pháp có tính chế tài, thậm chí vũ lực theo quy định của Chương VII.

¹⁴ Xem Phần 9 Quy chế Rô-m về Hợp tác quốc tế và trợ giúp tư pháp, từ Điều 86 đến Điều 102.

¹⁵ Xem quy định tại khoản 7, Điều 87 Quy chế Rô-m.